

Số: 128/2020/QĐST-HNGĐ

M, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Hữu T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận M, TP. Cần Thơ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Hữu T và chị Nguyễn Thị Ngọc L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh Phạm Hữu T và chị Nguyễn Thị Ngọc L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh T và chị L tự xác định có 01 con chung họ và tên Phạm Hữu T, sinh ngày 24/8/2009. Anh chị tự nguyện thỏa thuận thống nhất như sau:

Giao con chung Phạm Hữu T, sinh ngày 24/8/2009 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Hữu T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho con chung, mỗi tháng số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/1tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con là vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu vào ngày 15/7/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Phạm Hữu T, không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

- *Tài sản chung*: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp khi có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- *Nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp khi có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- *Án phí hôn nhân*: Anh Phạm Hữu T tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân. *Án phí cấp dưỡng*: Anh Phạm Hữu T phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng anh T đã nộp theo biên lai thu 010972 ngày 13/5/2020 thành tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Thị Hồng Nương